



Số: 018/2022/BCKT-CT.00106

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 03 năm 2022, từ trang 05 đến trang 44 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



TRANG ĐẮC NHA
Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ

Thành phố Cần Thơ, ngày 09 tháng 03 năm 2022

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2018-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		455.389.915.100	287.384.751.778
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	58.653.027.817	12.764.771.521
Tiền	111		10.611.438.776	12.764.771.521
Các khoản tương đương tiền	112		48.041.589.041	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	8.827.652.000	70.100.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121	5.2.1	4.013.610.000	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(185.958.000)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.2	5.000.000.000	70.100.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		279.868.832.287	62.411.450.073
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	153.360.496.434	60.420.239.013
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	114.607.693.867	2.858.126.225
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	20.230.781.238	6.196.726.057
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(8.330.139.252)	(7.063.641.222)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.7	106.460.184.040	141.169.520.606
Hàng tồn kho	141		106.541.328.064	141.601.905.432
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(81.144.024)	(432.384.826)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.580.218.956	939.009.578
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	908.073.084	658.306.100
Thuế GTGT được khấu trừ	152		670.561.872	280.703.478
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.584.000	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		187.081.858.041	147.990.641.574
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		85.450.993.083	90.371.257.013
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	47.186.772.531	46.882.234.102
Nguyên giá	222		265.872.100.642	280.700.270.128
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(218.685.328.111)	(233.818.036.026)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	38.264.220.552	43.489.022.911
Nguyên giá	228		42.901.460.630	47.572.942.345
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.637.240.078)	(4.083.919.434)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		22.702.906.488	15.815.139.007
Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	22.702.906.488	15.815.139.007
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2.3	68.650.000.000	25.650.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		61.750.000.000	18.750.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.900.000.000	6.900.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		10.277.958.470	16.154.245.554
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	10.277.958.470	16.154.245.554
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		642.471.773.141	435.375.393.352

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

	Mã	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
	số	minh		
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		243.969.190.579	57.910.794.914
Nợ ngắn hạn	310		243.955.690.579	57.437.294.914
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	11.952.464.640	19.743.962.122
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	4.122.753.338	3.095.579.996
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	1.440.696.581	2.228.441.831
Phải trả người lao động	314		-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	525.725.662	830.841.077
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	180.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16.1	1.582.835.091	1.706.716.728
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	224.323.465.335	29.238.503.228
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.18	7.749.932	413.249.932
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		13.500.000	473.500.000
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.16.2	13.500.000	473.500.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		398.502.582.562	377.464.598.438
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	398.502.582.562	377.464.598.438
Vốn góp của chủ sở hữu	411		350.000.000.000	350.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		350.000.000.000	350.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		9.200.531.070	8.256.585.962
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		39.302.051.492	19.208.012.476
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		18.264.067.368	329.110.321
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21.037.984.124	18.878.902.155
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		642.471.773.141	435.375.393.352

HUỲNH THỊ PHƯƠNG THẢO
Người lập biểu

NGUYỄN THANH LÂM
Kế toán trưởng



HỮA MINH TRÍ
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 09 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	775.792.096.554	760.990.568.787
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	9.868.794.285	10.820.494.220
Doanh thu thuần	10		765.923.302.269	750.170.074.567
Giá vốn hàng bán	11	6.3	758.485.397.704	705.632.335.802
Lợi nhuận gộp	20		7.437.904.565	44.537.738.765
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	37.092.048.886	10.473.157.891
Chi phí tài chính	22	6.5	8.339.511.711	4.048.158.500
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.408.059.830</i>	<i>2.200.781.679</i>
Chi phí bán hàng	25	6.6	12.980.081.963	17.276.132.488
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	18.802.010.324	12.895.170.127
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.408.349.453	20.791.435.541
Thu nhập khác	31	6.8	25.493.717.265	974.201.699
Chi phí khác	32	6.9	3.517.121.347	664.354.436
Lợi nhuận khác	40		21.976.595.918	309.847.263
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.384.945.371	21.101.282.804
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.14	5.346.961.247	2.222.380.649
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21.037.984.124	18.878.902.155
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	601	539



HUỖNH THỊ PHƯƠNG THẢO
Người lập biểu



NGUYỄN THANH LÂM
Kê toán trưởng



HỮA MINH TRÍ
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 09 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		26.384.945.371	21.101.282.804
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		6.610.603.906	8.180.877.575
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		1.101.215.228	(600.373.489)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		252.876	178.042
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(24.667.855.663)	(7.808.474.713)
Chi phí lãi vay	06		5.408.059.830	2.200.781.679
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		14.837.221.548	23.074.271.898
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(223.028.684.237)	(9.751.784.439)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		35.060.577.368	134.559.856.726
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(8.041.248.080)	(6.352.348.937)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5.626.520.100	2.168.048.224
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(4.013.610.000)	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.192.287.409)	(2.207.479.395)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.142.552.030)	(77.354.367)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(405.500.000)	(178.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(191.299.562.740)	141.235.209.710
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(13.500.049.732)	(13.225.881.881)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		26.970.859.798	426.263.635
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.000.000.000)	(70.100.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		70.100.000.000	
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(43.000.000.000)	
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.532.299.739	3.614.836.983
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		42.103.109.805	(79.284.781.263)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	687.278.003.994	350.073.880.983
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(492.193.041.887)	(402.543.661.905)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		195.084.962.107	(52.469.780.922)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		45.888.509.172	9.480.647.525
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		12.764.771.521	3.284.302.038
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(252.876)	(178.042)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	58.653.027.817	12.764.771.521



HUỖNH THỊ PHƯƠNG THẢO
Người lập biểu



NGUYỄN THANH LÂM
Kế toán trưởng



HỮA MINH TRÍ
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 09 tháng 03 năm 2022